BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Số 3192/KL-ĐCKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong hoạt động khai thác, sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi núi Túc Khối, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang của Công ty TNHH Đức Quân

Thực hiện Quyết định thanh tra số 624/QĐ-ĐCKS ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại một số mỏ đá vôi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, từ ngày 17 tháng 9 năm 2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan trong hoạt động khai thác và sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi núi Túc Khối, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đối với Công ty TNHH Đức Quân.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra và Biên bản làm việc lập ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH Đức Quân (sau đây gọi tắt là Công ty); địa chỉ trụ sở chính: Số 324, QL80, khu phố Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Tô Đại Quân, Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Giám đốc Công ty; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 1700491404, đăng ký lần đầu 23/02/2006, thay đổi lần thứ 1 ngày 26/6/2012, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Công ty đang khai thác đá vôi tại mỏ đá vôi núi Túc Khối, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 31/GP-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 7/01/2016; diện tích khu vực khai thác là 4,7 ha; trữ lượng khai thác: 313.197 m^3; mức sâu khai thác cote +2m; công suất khai thác: 75.000 m^3/năm đá nguyên khối; thời hạn khai thác là 4,34 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

II.1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản

1. Về hiện trạng hoạt động khai thác:

Công ty đã và đang khai thác tại 01 khai trường nằm trong ranh giới khu

vực được cấp phép khai thác, gồm 2 tầng khai thác (tầng trên cùng ở mức +20m được hình thành sau khi đã bạt ngọn ở mức +40m, trình tự khai thác từ trên xuống dưới tới mức +20m, tầng thứ hai ở cốt +10m); moong khai thác có diện tích khoảng 3,4 ha (cao độ từ +2m đến +20m), trong đó diện tích đã khai thác đạt mức sâu được phép khai thác khoảng 2,5 ha (cao độ từ +2m đến +2,5m). Vị trí các công trình khai thác (moong khai thác, đường vận chuyển chính trong mỏ); hệ thống khai thác, trình tự khai thác phù hợp với thiết kế mỏ được duyệt và phù hợp với bản đồ hiện trạng tại thời điểm kiểm tra; góc nghiêng sườn tầng khai thác từ 60 - 70^{o} cơ bản đảm bảo an toàn và phù hợp với thiết kế mỏ được duyệt.

2. Về sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm của Công ty theo từng khâu công nghệ, theo từng nguồn số liệu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (chi tiết thể hiện trong Biên bản kèm theo), kết quả như sau:

a) *Giai đoạn sau khi Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ có hiệu lực:*

- Năm 2016 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 24.901,70 m^3, đạt 33,2% công suất được phép khai thác.

b) *Giai đoạn sau khi Nghị định 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ và Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực:*

- Năm 2017 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 26.356,56 m^3, đạt 35,1% công suất được phép khai thác;

- Năm 2018 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 27.972,26 m^3, đạt 37,3% công suất được phép khai thác;

- 6 tháng đầu năm 2019 sản lượng khoáng sản khai thác 13.939,24 m^3.

3. Đã lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản ra khỏi khu vực khai thác: Vị trí trạm cân được lắp đặt trên trục đường độc đạo từ mỏ nối ra đường vận chuyển chính ngoài mỏ, phù hợp với điều kiện địa hình và đặc thù của mỏ. Tuy nhiên Công ty chưa sử dụng thường xuyên trạm cân để kiểm soát toàn bộ khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra khỏi mỏ theo quy định; đã lắp đặt thiết bị camera giám sát tại khu vực xay nghiền đá, bãi chứa đá và tại trạm cân.

4. Công tác quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác: thời điểm thanh tra chưa phát hiện thấy khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác của Công ty; Công ty khai thác triệt để đá vôi trong mỏ; đã phân loại đá vôi trong quá trình khai thác, lựa chọn một phần đá vôi có chất lượng tốt hơn sử dụng làm phụ gia xi măng, bột vôi, còn lại sử dụng làm vật liệu xây dựng; sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản; không có tổn thất khoáng sản trong quá trình khai thác đá vôi.

5. Đã cắm và bàn giao mốc tại các điểm khép góc khu vực được phép khai thác đầy đủ theo quy định.

6. Đã xây dựng cơ bản mỏ từ năm 2010 theo (Giấy phép khai thác tận thu số 1855/GP-UBND ngày 24/8/2010 trước đây) và đã đăng ký ngày bắt đầu khai thác (ngày 20/01/2016) gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang.

7. Đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đủ tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn phù hợp với quy định; có thông báo bằng văn bản về trình độ, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

8. Đã thực hiện việc lập và gửi Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản và Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản các năm 2016, 2017 và năm 2018 cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang theo quy định.

9. Đã lập quản lý, lưu trữ theo quy định các bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác các năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019; Bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác có hình thức và nội dung cơ bản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ địa phương nơi mỏ hoạt động: Từ năm 2016 đến nay công ty đã ủng hộ các quỹ do địa phương vận động như quỹ vì người nghèo, quỹ nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, quỹ người có công với tổng số tiền trên 200.000.000 đồng và hỗ trợ đất, đá, xi măng... cho các trường học, nhà trẻ, nhà thờ; đầu tư làm đường từ đường lớn vào khu vực khai thác mỏ, ngoài ra còn thường xuyên sửa chữa nâng cấp đường cho địa phương.

11. Đã thực các hiện nghĩa vụ tài chính từ năm 2016 đến hết tháng 6/2019 theo quy định: Thuế tài nguyên: 1.885.264 nghìn đồng; Phí bảo vệ môi trường: 816.785 nghìn đồng; Tiền thuê đất: 242.264 nghìn đồng; Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản nộp 01 lần: 852.149.000 đồng; việc hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước chưa được xác định; Từ năm 2015 đến nay đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: 1.195.622.635 đồng.

II.2. Thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan

1. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường:

Việc thực hiện các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 19/11/2015: (1) Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (Giấy xác nhận số 01/GXN-STNMT ngày 22/01/2018); (2) Hàng năm, Công ty đã lập và giao nộp kết quả quan trắc cho cơ quan có thẩm quyền; các chỉ tiêu quan trắc cơ bản đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định của các QCVN 05: 2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN24:2016/BYT; QDD/2002/QĐ-BYT; (3) Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

với Công ty TNHH TM xử lý môi trường Thành Lập; Công ty thực hiện lập và nộp báo cáo định kỳ theo quy định về tồn lưu chất thải nguy hại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang theo quy định. Công ty chưa trồng cây xanh xung quanh khu vực sân công nghiệp, dọc đường lên khu cấp liệu, xung quanh mặt bằng cấp liệu và dọc đường vận chuyển ngoài mỏ.

2. Việc thực hiện pháp luật về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN):

Công ty có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 08/GP-SCT ngày 11/03/2019 của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang cấp; quá trình nổ mìn khai thác đá có lập hộ chiếu nổ mìn đầy đủ, nội dung hộ chiếu cơ bản phù hợp theo mẫu quy định; Tuy nhiên một số thông tin, số liệu thể hiện trong hộ chiếu nổ mìn chưa chính xác, còn sơ sài, cụ thể: sơ đồ bố trí gác mìn trong hộ chiếu nổ mìn vẽ sơ sài không phù hợp với hiện trạng mỏ; thể hiện khoảng cách an toàn từ các điểm gác mìn và từ vị trí điểm hỏa tới bãi mìn không đúng với khoảng cách thực tế; có bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn và các công nhân nổ mìn đều có Giấy chứng nhận thợ mìn theo quy định; các công nhân đều được huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN do Sở Công Thương cấp.

3. Việc thực hiện pháp luật về an toàn lao động:

Công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân mỏ; đã ban hành nội quy an toàn tại mỏ; đã ban hành quy trình vận hành thiết bị, xe máy; đã thực hiện việc huấn luyện ATLĐ và VSLĐ cho công nhân mỏ; đã kiểm định các thiết bị khai thác theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm đối với toàn bộ người lao động và 2 lần/năm đối với lao động ở môi trường độc hại, nguy hiểm; Hàng năm, đã lập và gửi Báo cáo công tác ATVS lao động Báo cáo định kỳ về tai nạn lao động theo quy định.

4. Việc thực hiện pháp luật về đất đai:

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất để khai thác khoáng sản với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang theo quy định; sử dụng đất thuê để khai thác khoáng sản đúng mục đích

5. Việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước và xả thải:

Công ty không sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động khai thác khoáng sản tại mỏ; không xả nước thải vào nguồn nước, do khai thác trên cao nước mưa tự chảy tràn.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

- Công ty khai thác trong diện tích khu vực được cấp phép khai thác khoáng sản; phương pháp, trình tự và hệ thống khai thác cơ bản theo đúng thiết kế mỏ được duyệt; sử dụng khoáng sản đúng mục đích, phù hợp với dự án đầu tư và Giấy phép khai thác khoáng sản; công tác đảm bảo an toàn lao động cho người và thiết bị được Công ty coi trọng.

- Trong quá trình hoạt động khai thác tại mỏ, Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; sử dụng hợp lý, đúng mục đích và tiết kiệm khoáng sản đã khai thác;

- Quá trình khai thác Công ty có lập sổ sách chứng từ, tài liệu kỹ thuật để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế hàng năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện tương đối tốt quy định về trách nhiệm của tổ chức khai thác khoáng sản trong việc bảo vệ quyền lợi của địa phương, nhân dân địa phương nơi có mỏ khoáng sản được khai thác;

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đầy đủ, kịp thời theo thông báo của cơ quan Thuế; thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác kịp thời theo quy định;

- Có nhiều cố gắng trong việc khắc phục các tồn tại, vi phạm theo yêu cầu nêu trong các Kết luận thanh tra, Thông báo kết quả kiểm tra.

2. Các tồn tại, vi phạm

- Chưa sử dụng thường xuyên trạm cân để kiểm soát toàn bộ khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra khỏi mỏ theo quy định.

- Một số thông tin, số liệu thể hiện trong hộ chiếu nổ mìn chưa chính xác, còn sơ sài (sơ đồ bố trí gác mìn trong hộ chiếu nổ mìn vẽ sơ sài không phù hợp với hiện trạng mỏ; thể hiện khoảng cách an toàn từ các điểm gác mìn và từ vị trí điểm hỏa tới bãi mìn không đúng với khoảng cách thực tế).

- Phía Tây và Tây Bắc của mỏ khu vực giáp với đất của dân chưa cắm đầy đủ các biển cảnh báo sạt lở đá, nhằm đảm bảo an toàn.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ XỬ LÝ

Đoàn thanh tra đã báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo Kết luận thanh tra và dự thảo Công văn gửi UBND tỉnh Kiên Giang trình Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xem xét ban hành, trong đó yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại, vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản và lĩnh vực khác có liên quan; đồng thời kiến nghị với UBND tỉnh Kiên Giang chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan xem xét, xử lý các tồn tại, vi phạm trong lĩnh vực khác có liên quan đã được nêu trong Biên bản làm việc của Đoàn thanh tra; giám sát, đôn đốc các tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính chấp hành nghiêm Quyết định xử phạt và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định; đôn đốc các tổ chức khai thác đá vôi là đối tượng thanh tra thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trong Kết luận thanh tra.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện các công việc sau đây:

- Thường xuyên sử dụng trạm cân để kiểm soát toàn bộ khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra khỏi mỏ theo quy định;

- Thường xuyên theo dõi, giám sát các vị trí có nguy cơ sạt lở đá tại khu vực phía Tây và Tây Bắc của mỏ (khu vực giáp với đất của dân); cắm đầy đủ các biển cảnh báo sạt lở đá, nhằm đảm bảo an toàn trong khu vực mỏ;

- Lập hộ chiếu nổ mìn phải thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, số liệu theo quy định; bố trí các trạm gác mìn phù hợp với thực tế hiện trạng mỏ tại từng thời điểm nổ mìn, để đảm bảo tuyệt đối an toàn khi nổ mìn.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, Công ty TNHH Đức Quân phải báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, UBND tỉnh Kiên Giang bằng văn bản về kết quả thực hiện các yêu cầu nêu trên. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc chậm thực hiện các yêu cầu nêu trên, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- TCT Đỗ Cảnh Dương (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh Kiên Giang (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục KSHĐKS miền Nam (để giám sát);
- Sở TN&MT tỉnh Kiên Giang;
- Cty TNHH Đức Quân (để t/hiện);
- VP Tổng cục (để đăng website);
- Lưu: VP, Đoàn TTr (Q.10 bản giấy).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

Lại Hồng Thanh